

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2017/DS-ST
Ngày: 24-7-2017
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Anh.
2. Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhứt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLST-DS, ngày 16 tháng 3 năm 2017 và thụ lý bổ sung số: 18a/2017/TLST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1977, có mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim P, sinh năm 1972, có mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trương Hữu Q, sinh năm 1972, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

3.2. Ông Phan Thành C, sinh năm 1966, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12 tháng 6 năm 2017, bản tự khai ngày 09 tháng 3 năm 2017, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13 tháng 7 năm 2017 và tại các biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An - Bà Trần Thị Thanh T trình bày: Ông Phan Thành C với bà Phạm Thị Kim P là vợ chồng. Vào năm 2014, bà P có tham gia chơi hụi gồm dây hụi 300.000 đồng/tháng, 100.000 đồng/tuần do bà T đứng ra làm chủ thảo. Năm 2015, 2016 bà P hốt hết các dây hụi này nhưng không đóng lại hụi chết cho bà T. Đến tháng 8 năm 2016, bà T bị bế hụi, không còn khả năng trả nợ cho các chủ nợ khác. Tuy nhiên, bà T vẫn hoàn trả các phần hụi sống hàng tháng cho các chủ nợ khác. Ngày 10 tháng 10 năm 2016, bà T với bà P chốt sổ sách thì bà P ký tên công nhận còn nợ bà T số tiền 28.460.000 đồng. Bà T cho bà P trả mỗi tháng 200.000 đồng nhưng đến nay bà P không trả cho bà T được khoản tiền nào. Số tiền 28.460.000 đồng trong vụ án này là tài sản riêng của bà T do bà T gom hụi của người này giao cho người kia, giao qua giao lại nên không liên quan gì đến chồng bà T là ông Q. Do đó, ông Q không liên quan gì đến vụ án này nên ông Q không đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải. Ông Q đồng ý để bà T đứng ra khởi kiện. Nay bà T xác định chỉ khởi kiện một mình bà P, không khởi kiện chồng bà P là ông C vì bà T chỉ làm ăn với bà P, nên biết nợ là của bà P. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà P phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền gốc trong hợp đồng góp hụi tổng cộng là 28.460.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Bà T yêu cầu bà P phải trả cho bà T hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả vào ngày 13 tháng 8 năm 2017 dương lịch đến khi hết nợ. Ngoài số nợ này ra, bà P không còn nợ bà T khoản nợ nào khác từ trước đến nay. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 4 năm 2017, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13 tháng 7 năm 2017 và các biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An – Bà Phạm Thị Kim P trình bày: Ông Phan Thành C với bà P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa (nay là thị xã K), tỉnh Long An. Bà P xác định bà T khởi kiện yêu cầu bà P phải trả số tiền 28.460.000 đồng trong vụ án này là tiền bà P nợ tiền hụi của bà T chứ không phải nợ tiền vay. Bà P đồng ý trả cho bà T số tiền 28.460.000 đồng vì bà P có nợ là bà P chấp nhận trả nợ. Mục đích bà P tham gia chơi hụi, hốt hụi của bà T để lấy vé số từ đại lý bán lại kiếm lời nhằm lo trang trải cho cuộc sống hàng ngày của gia đình bà P. Ông C không có liên quan gì đến số tiền nợ 28.460.000 đồng trong vụ án này vì khi bà P chơi hụi do bà T làm chủ thảo thì ông C không hề hay biết gì. Tuy nhiên bà P xin bà T cho bà P được trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 200.000 đồng, thời gian bắt đầu trả là ngày 01 tháng 8 năm 2017 dương lịch đến khi hết nợ. Bởi vì hiện tại bà P đi bán vé dạo mỗi ngày chỉ lời được từ 60.000 đồng đến 70.000 đồng mà còn phải lo trang trải cho cuộc sống hàng ngày, cộng với bà P sức khỏe không được tốt nên không thể lao động nặng nhọc được.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 7 năm 2017 - Ông Trương Hữu Q trình bày: Ông Q không liên quan gì đến vụ án này. Ông đồng ý để bà T đứng ra khởi

kiện bà P. Số tiền 28.460.000 đồng trong vụ án này không phải là tài sản chung của ông Q với bà T mà do bà T gom tiền hụi của người này giao cho người kia. Ông Q xin được vắng mặt trong các phiên làm việc, hòa giải, xét xử tại Tòa án các cấp.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 7 năm 2017 - Ông Phan Thành C trình bày: Ông C là chồng của bà P. Ông C không liên quan gì trong vụ án này vì khi bà P chơi hụi với bà T, ông C hoàn toàn không biết. Ông C không đồng ý cùng với bà P trả nợ cho vợ chồng ông Q bà T. Ông C không biết bà P dùng số tiền hốt hụi được của bà T để làm gì, bà P không dùng trang trải cho cuộc sống hàng ngày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải nhiều lần cho các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để tạo điều kiện cho các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng kết quả không thành. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu: Vợ chồng ông C bà P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền gốc tổng cộng là 28.460.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Bởi vì theo bà P khai thì bà P tham gia chơi hụi, hốt hụi của bà T để lấy vé số từ đại lý bán lại kiếm lời nhằm lo trang trải cho cuộc sống hàng ngày của gia đình bà P. Do đó, bà T yêu cầu vợ chồng ông C bà P phải trả cho bà T hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả vào ngày 30 tháng 8 năm 2017 dương lịch đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, bà P trình bày: Ông C không liên quan gì đến khoản nợ trong vụ án này. Đây là khoản nợ riêng của bà P nên bà P đồng ý trả cho bà T số tiền gốc tổng cộng là 28.460.000 đồng. Tuy nhiên, bà P xin bà T cho trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 200.000 đồng, thời gian bắt đầu trả vào ngày 01 tháng 8 năm 2017 dương lịch đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, ông Q và ông C vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn Nhứt - Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định như việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, việc gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát có chậm trễ so với quy định pháp luật, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện quyền tranh luận và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày, kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa thì đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ và hợp pháp, nên đề nghị Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là buộc vợ chồng ông C bà P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền hui gốc tổng cộng là 28.460.000 đồng và đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông C bà P theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng góp hui, bị đơn là bà P có địa chỉ tại ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà T: Bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C bà P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền hui gốc tổng cộng là 28.460.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất là hoàn toàn tự nguyện và có chứng cứ chứng minh thể hiện qua biên nhận do bà P ký nhận nợ ngày 17 tháng 6 năm 2016. Đồng thời, được bà P thừa nhận nợ, đồng ý trả nợ nhưng tại bản tự khai ngày 14 tháng 4 năm 2017, biên bản hòa giải ngày 14 tháng 4 năm 2017 và biên bản lấy lời khai đương sự ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An thì bà P lại khai rằng đây khoản nợ riêng của bà P đối với bà T, không liên quan gì đến chồng bà P là ông C vì khi bà P chơi hui, hốt hui của bà T thì ông C không biết. Tuy nhiên, bà P khai mục đích bà P chơi hui, hốt hui của bà T để lấy vé số từ đại lý bán lại kiếm lời nhằm lo trang trải cho cuộc sống hàng ngày của gia đình bà P. Vì vậy, theo quy định tại các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình thì vợ chồng chịu nghĩa vụ liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Mặc dù, bà P khai khi bà P chơi hui, hốt hui của bà T thì ông C không biết nhưng trong trường hợp này, ông C cũng phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà P trả số tiền trên cho bà T. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K và yêu cầu khởi kiện của bà T là buộc vợ chồng ông C bà P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền hui gốc tổng cộng là 28.460.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 288, 357, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về đề nghị xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 200.000 đồng của bà P: Không được bà T đồng ý, pháp luật cũng không quy định nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết.

[4] Về sự vắng mặt của ông Q, ông C: Ông Q, ông C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q, ông C là phù hợp theo các Điều 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội thì vợ chồng ông C bà P phải chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 28.460.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước. Nhưng vợ chồng ông C bà P có đơn đề nghị miễn án phí vì vợ chồng ông C bà P thuộc hộ nghèo được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Long An cấp sổ hộ nghèo. Xét đơn đề nghị miễn án phí của vợ chồng ông C bà P là hợp lệ, được quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này, nên Hội đồng xét xử cần xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông C bà P. Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 177, 179, 184, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 357, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; các Điều 3, 6, 12, 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T, buộc vợ chồng ông Phan Thành C bà Phạm Thị Kim P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 28.460.000 đồng (hai mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí của vụ án là 1.423.000 đồng (một triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng). Miễn toàn bộ 1.423.000 đồng (một triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Phan Thành C bà Phạm Thị Kim P.

2.2. Bà Trần Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Trần Thị Thanh T 711.500 đồng (bảy trăm mười một nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006353 ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà Trần Thị Thanh T, bà Phạm Thị Kim P, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Trương Hữu Q, ông Phan Thành C được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

